

Số: /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 về Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 224/KH-HĐND ngày 25/5/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc chuẩn bị nội dung Kỳ họp thường lệ giữa năm 2023 của HĐND tỉnh khóa XVIII.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2646/TTr-STC ngày 23/6/2023 (sau khi tổng hợp ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan; kèm Báo cáo thẩm định số 199/BC-STP ngày 21/6/2023 của Sở Tư pháp); căn cứ thẩm quyền quy định tại Luật Phí và lệ phí năm 2015, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, với các nội dung như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các Nghị quyết số: 14/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021, 52/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, 69/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND cho phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của tỉnh.

Qua tổng hợp báo cáo của các sở, ngành, việc tổ chức thu phí, lệ phí trong thời gian qua đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công. Mức thu phí và số tiền phí để lại đã cơ bản bù đắp chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí của tổ chức thu phí. Tuy nhiên, một số sở, ngành đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản lệ phí để phù hợp với quy định và tình hình thực tế, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về 03 khoản phí của lĩnh vực tài nguyên nước: (i) Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện); (ii) Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện); (iii) Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện):

Nội dung thu của các khoản phí này tại Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh được căn cứ theo các khoản 3, 4 Điều 44, khoản 1 Điều 73 Luật Tài nguyên nước năm 2012; Điều 16, Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước.

Ngày 01/02/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước bãi bỏ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/3/2023. Theo đó, các nội dung thu phí được thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 28, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và khoản 3 Điều 32 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP có thay đổi so với Nghị định số 201/2013/NĐ-CP. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung quy định đối với 03 khoản phí của lĩnh vực tài nguyên nước: (i) Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện); (ii) Phí thăm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện); (iii) Phí thăm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thăm định do cơ quan địa phương thực hiện) để phù hợp với Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ là cần thiết, đúng quy định.

2. Sửa đổi, bổ sung quy định về mức thu của các khoản phí, lệ phí khi nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến:

Ngày 23/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo, trong đó tại gạch đầu dòng thứ 2 Mục 16 yêu cầu: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán

trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện. Thời gian hoàn thành trong tháng 6 năm 2023.

Trước đó, ngày 19/02/2023, tại Thông báo số 36/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp ngày 10 tháng 02 năm 2023 về tình hình triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, tại Mục 8 cũng đã giao Bộ Tài chính chủ trì, nghiên cứu, đề xuất các chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia dịch vụ công trực tuyến như: miễn, giảm phí, lệ phí cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến...

Ngày 10/3/2023, Bộ Tài chính có Văn bản số 2221/BTC-CST về việc thực hiện Thông báo số 36/TB-VPCP ngày 19/02/2023 và Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023, tại Mục 2 đã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu phí, lệ phí (thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Tài chính trước ngày 30/7/2023.

Ngày 04/4/2023, Văn phòng Chính phủ tiếp tục có Văn bản số 2219/VPCP-KSTT về việc đề xuất cơ chế ưu đãi phí, lệ phí trong thực hiện DVCTT, tại Mục 2 đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương rà soát, đề xuất cụ thể mức thu phí, lệ phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định theo thẩm quyền, hoàn thành trong tháng 6 năm 2023.

Ngày 01/3/2023, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 48/KH-HĐND triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2023, tại điểm (10) khoản 3.4 Mục 3 Phần II đã xác định nhiệm vụ “Trình HĐND tỉnh giảm 50% phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh khi nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện. Tham mưu tại kỳ họp HĐND tỉnh giữa năm 2023”.

Để cụ thể hóa các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và kế hoạch của tỉnh về triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh, việc bổ sung quy định giảm mức thu của các khoản phí, lệ phí khi nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến là cần thiết, đúng quy định, phù hợp với tình hình thực tế.

Theo phương án của các sở, ban, ngành, có 11 khoản phí và 04 khoản lệ phí được bổ sung quy định giảm 50% mức thu khi nộp hồ sơ trên môi trường mạng gồm:

- Phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (đối với hoạt động bình tuyến, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;

- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

- Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện);

- Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);

- Lệ phí hộ tịch;

- Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện);

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất;

- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.

Còn 02 khoản phí và 01 khoản lệ phí không bổ sung quy định giảm 50% mức thu khi nộp hồ sơ trên môi trường mạng gồm:

- Phí thăm quan danh lam thắng cảnh (đối với danh lam thắng cảnh thuộc địa phương quản lý) và Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý): Do theo báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Văn bản số 890/SVHTTDL-VP ngày 06/6/2023, 02 khoản phí này không phải thực hiện thu, nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

- Lệ phí đăng ký kinh doanh: Do tại điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh đã quy định miễn thu lệ phí khi thực hiện đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử.

*** Đánh giá tác động của việc giảm mức thu phí, lệ phí khi nộp hồ sơ trên môi trường mạng:**

a) Đối với đối tượng nộp phí, lệ phí:

Việc giảm mức thu phí, lệ phí khi thực hiện nộp hồ sơ trên môi trường mạng sẽ tác động tích cực đến người dân, doanh nghiệp, khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ qua mạng do giảm bớt chi phí, thời gian đi lại và các khoản phí, lệ phí cần nộp; người dân, doanh nghiệp sẽ tương tác nhiều hơn với cơ quan quản lý nhà nước thông qua môi trường mạng, giúp đẩy nhanh quá trình trao đổi thông tin, nâng cao năng lực số của người dân, doanh nghiệp, góp phần thực hiện chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với cơ quan, đơn vị thực hiện thu phí:

Với xu hướng thực hiện nộp hồ sơ qua mạng những năm qua ngày càng tăng cùng với mức thu khi nộp hồ sơ qua mạng giảm (bằng 50% mức thu khi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) sẽ giảm tổng số tiền phí thu được, theo đó số tiền phí được để lại cho đơn vị cũng giảm tương ứng.

Theo quy định tại Điều 8 Luật Phí và lệ phí năm 2015: *“Mức thu phí được xác định cơ bản bảo đảm bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”*

Với mức thu hiện hành đã được tính toán để bù đắp chi phí, vì vậy việc giảm mức thu phí sẽ ảnh hưởng đến cân đối thu chi của cơ quan, đơn vị thu phí, ngoài ra đối với đơn vị thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập sẽ ảnh hưởng đến mức độ tự chủ của đơn vị. Để giảm thiểu tác động này cần điều chỉnh tăng tỷ lệ số tiền phí thu được để lại cho tổ chức thu phí.

c) Đối với cơ quan, đơn vị thực hiện thu lệ phí:

Theo quy định tại Điều 9 Luật Phí và lệ phí năm 2015: *“Mức thu lệ phí được ấn định trước, không nhằm mục đích bù đắp chi phí; mức thu lệ phí trước bạ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân.”*

Theo quy định tại Điều 13 Luật Phí và lệ phí năm 2015:

“1. Tổ chức thu lệ phí phải nộp đầy đủ, kịp thời số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Nguồn chi phí trang trải cho việc thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.”

Theo đó, mức thu lệ phí là khoản ấn định không nhằm mục đích bù đắp chi phí, số tiền thu lệ phí được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước. Do đó, việc giảm mức thu lệ phí không tác động đến cơ quan, đơn vị thực hiện thu lệ phí.

d) Đối với quản lý nhà nước:

- Các cơ quan quản lý, cơ quan thu phí, lệ phí sẽ phải nâng cao năng lực, khả năng hạ tầng công nghệ thông tin, công tác quản lý để đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện DVC trực tuyến, góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Đối với ngân sách nhà nước sẽ giảm nguồn thu từ phí, lệ phí. Tuy vậy, so với hiệu quả chung đạt được từ việc giảm chi phí chung của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện DVC trực tuyến cũng như thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển đổi số nêu trên thì phương án giảm mức thu phí, lệ phí là phù hợp.

3. Ban hành quy định thay thế tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, trong đó tại điểm a khoản 1 Điều 9 quy định: “*Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp số tiền chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cụ thể phù hợp nhưng tối đa không quá 10% đối với tỷ lệ để lại cho đơn vị cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn*”. Theo đó, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 quy định tỷ lệ để lại cho đơn vị thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, với tỷ lệ để lại là 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị thu phí là đơn vị cung cấp nước sạch, 15% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho đơn vị thu phí là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Ngày 05/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020, thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, theo đó:

- Tại khoản 1 Điều 6 quy định: “*Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cần áp dụng mức phí cao hơn, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức phí cụ thể cao hơn đối với từng đối tượng chịu phí.*”.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 9 quy định: “*Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí. Trường hợp chi phí tổ chức thu thấp hơn tỷ lệ để lại này, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định mức tỷ lệ để lại cụ thể phù hợp nhưng tối đa không quá 10% đối với tỷ lệ để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch và tối đa không quá 25% đối với tỷ lệ để lại cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn.*”.

- Tại khoản 3 Điều 11 quy định: “*Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*

đã ban hành văn bản quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cho tổ chức cung cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải mà chưa ban hành văn bản mới thay thế thì được tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành văn bản mới thay thế tại kỳ họp gần nhất.”.

- Tại khoản 2 Điều 12 quy định: “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể: a) Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này (nếu cần); b) Tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.”.

Để triển khai thi hành Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ, việc ban hành quy định thay thế tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là cần thiết, đúng quy định.

4. Bãi bỏ quy định về Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo:

Quy định về phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo được bắt đầu ban hành tại Nghị quyết số 113/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số loại phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, sau đó được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại các Nghị quyết số: 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016, 112/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018, 148/2019/NQ-HĐND ngày 17/7/2019, 214/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 và hiện nay được quy định tại Nghị quyết số 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 ban hành Quy chế phối hợp thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế phối hợp thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo ban hành kèm theo Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 04/9/2015, Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 ban hành quy định về quy trình thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo để triển khai công tác thu phí kịp thời, hiệu quả.

Trong những năm đầu triển khai, hoạt động thu phí diễn ra hiệu quả, đóng góp đáng kể vào ngân sách Nhà nước. Đơn vị tổ chức thu phí đã bố trí nhân sự thực hiện thu phí, phối hợp với các đơn vị, lực lượng chức năng tại cửa khẩu tuyên truyền, nhắc nhở các lái xe, chủ phương tiện thực hiện việc nộp phí theo quy định. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay, mặc dù kim ngạch xuất nhập khẩu qua Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo vẫn ổn định nhưng số thu phí lại giảm mạnh, chi tiết có bảng tổng hợp kết quả thu phí từ năm 2015 đến nay dưới đây:

ĐVT: nghìn đồng

Năm	Phí thu được	Nộp NSNN	Tỷ lệ để lại	Số phí để lại
2015	5.299.920	4.769.928	10%	529.920
2016	5.349.080	4.814.172	10%	534.908
2017	6.566.800	5.910.120	10%	656.680
2018	5.438.880	4.894.992	10%	543.888
2019	3.843.040	3.151.292	18%	691.748
2020	2.862.130	2.346.394	18%	515.736
2021	1.163.470	954.045	18%	209.425
2022	258.640	212.085	18%	46.555
4 tháng đầu năm 2023	63.000	51.660	18%	11.340

Nguyên nhân chính xuất phát từ các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng tại khu vực Cửa khẩu còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu, chưa có bãi kiểm hoá, bến bãi còn hạn chế, các phương tiện phải dừng đậu trên Quốc lộ 8A và sân nhà Quốc môn để làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hoá thường dẫn đến tình trạng ùn tắc nên các lái xe, chủ phương tiện chưa đồng tình với việc thu phí. Ngoài ra, với địa hình cửa khẩu nhỏ hẹp, khi lượng phương tiện qua lại đông, cộng thêm có tình trạng phản đối việc thu phí, đã gây ra khó khăn cho các lực lượng kiểm soát, theo dõi phương tiện; khi ùn tắc xảy ra, để đảm bảo lưu thông người, hàng hoá, phương tiện, buộc phải mở sào kiểm soát, giải toả khu vực Cửa khẩu.

Đặc biệt trong thời gian qua, khi triển khai dự án Hạ tầng kỹ thuật Cổng A và dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8 đoạn Km 37 - Km 85 (do Cục Đường bộ Việt Nam làm chủ đầu tư) gần sát với khu vực cửa khẩu, trong khi nơi đây có địa hình hiểm trở, Quốc lộ 8 là con đường độc đạo cho phương tiện qua lại, dẫn đến thường xuyên xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông, ảnh hưởng đến quá trình xuất nhập khẩu hàng hoá qua Cửa khẩu cũng như hoạt động của các lực lượng chức năng trong việc phân luồng phương tiện. Từ đó, phát sinh tâm lý không hài lòng, chống đối của chủ phương tiện, việc thu phí do đó gặp nhiều khó khăn, nguồn phí để lại không đủ cho chi phí hoạt động cho đơn vị thu phí.

Qua tìm hiểu các tỉnh lân cận Hà Tĩnh có cửa khẩu quốc tế với Lào như Nghệ An (Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn), Quảng Bình (Cửa khẩu quốc tế Cha Lo), Quảng Trị (Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và Cửa khẩu quốc tế La Lay), thì công tác thu phí tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, tỉnh Quảng Bình và Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị được thực hiện tốt do có điều kiện thuận lợi về giao thông, cơ sở hạ tầng rộng rãi, tốt hơn so với Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, trong

khi đó Nghệ An chưa thu phí này, việc thu phí sử dụng hạ tầng đối với các phương tiện sẽ giảm sức cạnh tranh của Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo so với các cửa khẩu quốc tế lân cận.

Tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: *“Cần nghiên cứu kỹ thực tế để ban hành văn bản thu phí, lệ phí cho phù hợp; không ban hành văn bản đối với các khoản phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí và lệ phí nhưng chưa thấy cần thiết và chưa đủ điều kiện thu.”*

Trong điều kiện các công trình kết cấu hạ tầng tại khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo đang trong quá trình hoàn thiện chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các đối tượng sử dụng, dự án Nâng cấp, sửa chữa Quốc lộ 8A vẫn đang triển khai nên việc lưu thông qua Cửa khẩu còn hạn chế, từ đó ảnh hưởng đến điều kiện tổ chức thu phí. Do đó, việc bãi bỏ quy định thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng trong khu vực Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo là cần thiết, phù hợp với quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC và tình hình thực tế tại địa phương.

5. Bãi bỏ quy định về Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện):

Thực hiện Luật Cư trú năm 2020, các Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành quy định đối với lệ phí đăng ký cư trú tại các Nghị quyết số: 253/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020, 52/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021, 69/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022.

Ngày 22/12/2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú, có hiệu lực thi hành từ ngày 05/02/2023. Tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 75/2022/TT-BTC quy định: *“Kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2023, mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú thực hiện thống nhất theo quy định tại Thông tư này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bãi bỏ quy định về lệ phí đăng ký cư trú tại địa phương tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gần nhất.”*

Do đó, việc bãi bỏ quy định về Lệ phí đăng ký cư trú đề phù hợp với Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là cần thiết, đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quy định đối với các khoản phí, lệ phí để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và chủ trương, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Quan điểm: Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí phải đảm bảo các nguyên tắc, căn cứ theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết (tại Chương trình số 21/CTr-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023).

2. Sở Tài chính tổng hợp đề xuất Phương án sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ phí, lệ phí của các sở, ban, ngành (được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng Phương án phí, lệ phí), xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết, tổ chức lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, địa phương.

3. Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Tờ trình và Nghị quyết.

4. UBND tỉnh lấy ý kiến của các Ủy viên UBND tỉnh.

5. Xem xét, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, được xây dựng theo Mẫu số 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
- Điều 2. Quy định tỷ lệ để lại tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt
- Điều 3. Bãi bỏ một số quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
- Điều 4. Tổ chức thực hiện

3. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Trên đây là Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (có Dự thảo Nghị quyết kèm theo); UBND tỉnh xin kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Bá Hà